TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Bà Đỗ Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 26/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M2

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, TTTM T, số B - 29 đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-GĐ ngày 19/4/2024 và Văn bản ủy quyền số 376/2024/UQ-MARS.VPB ngày 03/02/2025).

2. Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tống Thị L - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, TTTM T, số B - 29 đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền số 38ª/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 và Văn bản ủy quyền số 142/2024/UQ-MARS (VPB) ngày 25/9/2024).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Văn H**; Sinh năm: 1995; Vắng mặt.

2. Bà **Hoàng Thị H1**; Sinh năm: 2000; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã X (xã X, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trịnh Trọng H2**; Sinh năm 1963; Vắng mặt.

2. Bà **Đỗ Thị L1**; Sinh năm 1970; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã X (xã T, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Hoàng Thị H1 và ông Trần Văn H vay vốn của V1 theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023, Số tiền cho vay 700.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần, bằng lãi suất cơ sở của V1 theo từng thời kỳ + biên độ 3,7%/năm.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023; Số tiền cho vay 50.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 36 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm phát vay 25%/năm được cố định trong vòng 5 tháng đầu, lãi suất sáu đó được điều chỉnh 3 tháng/1 lần, tối đa không quá 52%/năm.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023, với hạn mức 35.000.000 đồng

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số: 185, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 967722, Số vào sổ cấp GCN: CH 00955 do UBND huyện T cấp ngày

11/01/2021. Ngày 27/02/2023 tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2303208673644 ngày 23/03/2023. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng TMCP V (V1) đã giải ngân cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 theo quy đinh.

Ngày 30/5/2024 Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) đã ký các Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty cổ phần M2. Theo đó, V1 đồng ý bán và M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Trần Văn H, bà Hoàng Thị H1, cụ thể như sau:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023.

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ.

- Toàn bộ 100% khoản nợ phát sinh theo Giấy đăng ký có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (374-P-3386821).

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay: Ông H, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1, nên từ ngày 15/12/2023 ông H, bà H1 phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến nay, ông H và bà H1 mới thanh toán được tổng số tiền nợ là: 67.625.902 đồng, trong đó: G đã trả 7.215.307 đồng; L2 đã trả 60.410.595 đồng. Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng V1 đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ, nhưng ông H, bà H1 không hợp tác giải quyết. Vì vậy, Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng V1 đã đồng khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 25/7/2025 Công ty Cổ phần M2 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023.

Nay, Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung, cụ thể như sau:

- Buộc ông Trần Văn H, bà Hoàng Thị H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 926.711.235 đồng, Trong đó: Nợ gốc: 742.784.693 đồng, N lãi trong hạn: 6.487.459 đồng, N lãi quá hạn 177.439.082 đồng, cụ thể:

+ Trả nợ cho Công ty cổ phần M2 tổng số tiền 834.040.111 đồng, trong đó: nợ gốc 668.506.224 đồng, nợ lãi trong hạn 5.838.713 đồng, nợ lãi quá hạn 159.695.174 đồng.

+ Trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 92.671.123 đồng, trong đó: nợ gốc 74.278.469 đồng, nợ lãi trong hạn 648.746 đồng, nợ lãi quá hạn 17.743.908 đồng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 thực tế thanh toán hết nợ cho M1 và V1. Lãi phát sinh phải trả cho M1 và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 không trả nợ đầy đủ cho M1 và V1 thì M1 và V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số: 185, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 967722, Số vào sổ cấp GCN: CH 00955 do UBND huyện T cấp ngày 11/01/2021. Ngày 27/02/2023 tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2303208673644 ngày 23/03/2023. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, M1 và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M1 và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ, bị đơn là bà Hoàng Thị H1 trình bày:

Bà H1 và chồng là Trần Văn H có ký kết hợp đồng với Ngân hàng V1 tại hợp đồng ngày 23/3/2023 vay vốn với số tiền là 785.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay ông bà có thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 185, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn L, xã T. Qúa trình thực hiện hợp đồng, thời gia đầu ông bà trả nợ lãi đầy đủ, tuy nhiên sau đó do làm ăn gặp nhiều khó khăn, mẹ chị lại gặp tai nạn phải đi điều trị nhiều nơi tốn kém, nên gia đình không trả được nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ, bà đề nghị được xin gia hạn thêm một thời gian để gia đình thu xếp nguồn tiền trả nợ cho ngân hàng.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị L1 trình bày:

Vào khoảng tháng 3 năm 2023 gia đình bà cần tiền để lo công việc gia đình, đi điều trị bệnh và làm trang trại. Do đang mắc nợ xấu, nên có nhờ vợ chồng con nuôi là Trần Văn H, Hoàng Thị H1 đứng tên vay vốn ngân hàng V1. Gia đình bà có sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng Hòa H3, sau đó vợ chồng H, H3 đứng tên vay vốn Ngân hàng V1 với số tiền 785.000.000 đồng. Số tiền vay trên gia đình bà là người sử dụng. Thời gian đầu gia đình bà trả nợ gốc, nợ lãi đầy đủ cho ngân

hàng. Tuy nhiên sau đó do gặp khó khăn về kinh tế, ốm đau phải đi bệnh viện, nên không trả được nợ cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ. Do điều kiện gia đình đang gặp khói khăn, nên bà xin được miễn tiền lãi và mong ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình được đáo sổ trả nợ cho ngân hàng hoặc cho gia đình được trả góp hàng tháng theo hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trịnh Trọng H2: Qúa trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông H và ông H2 đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của minh, nên không có lời khai.

Qúa trình giải quyết vụ án, ngày 10/01/2025 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo quy định, thể hiện: Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 11, diện tích 190m^2 (đều là đất ở nông thôn) địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa) đã được UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 11/01/2011 mang tên Hộ ông Trịnh Trọng H2 và bà Đỗ Thị L1; Ngày 27/02/2023 được đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 92m^2, diện tích sử dụng 150m^2, kết cấu: Khung tường chịu lực, bê tông cốt thép, xây dựng năm 2019.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội thẩm, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bị đơn chị Hoàng Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị L1 chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự, đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng chưa có mặt đầy đủ theo triệu tập của Tòa án.

Bị đơn anh Trần Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Trọng H2 không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, thể hiện việc tuân thủ pháp luật không nghiêm túc.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 280, 299, 317, 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 274-P-3386821 ngày 30/3/2023.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M2 đối với yêu cầu ông Trần Văn H và ông Hoàng Thị H1 trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/3/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ.

- Buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2 tổng số tiền nợ gốc là 74.278.469 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử với mức lãi suất theo thỏa thuận, đúng quy định pháp luật.

- Buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M2 tổng số tiền nợ gốc là 668.506.224 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử với mức lãi suất theo thỏa thuận, đúng quy định pháp luật.

Ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên phần dư nợ chưa trả theo mức lãi suất theo các Hợp đồng cho vay và theo quy định của pháp luật kể từ ngày xét xử cho đến ngày thanh toán toàn bộ khoản vay.

3. Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại Thửa đất số 185, tờ bản đồ 11, địa chỉ Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 967722, số vào sổ GCN: CH 00955 do UBND huyện T cấp ngày 11/01/2021. Ngày 27/02/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 trong trường hợp ông H, bà H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

4. Án phí dân sự, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần M2; Ngân hàng TMCP V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1, cư trú tại thôn E, xã X (xã X, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 8 – Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, qua việc xác minh, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà bị đơn ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 đã thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP V, xác định hiện tại ông Trịnh Trọng H2 và bà Đỗ Thị L1 đang sinh sống tại nhà đất liên quan tài sản thế chấp. Vì vậy, ông H2 và bà L1 tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là phù hợp với quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Trọng H2, bà Đỗ Thị L1 vắng mặt lần thứ 2, không có lý do; Bị đơn bà Hoàng Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dụng yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H, bà Hoàng Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo 03 hợp đồng, gồm: Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023. Ngày 30/5/2024 Ngân hàng TMCP V (V1) đã bán 100% các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023 cho Công ty Cổ phần M2 (M). Tuy nhiên, xét ngày 25/7/2025 người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M2 có ý kiến xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải trả nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng TMCP V về phần yêu cầu buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải trả nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Xét: Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: Các hợp đồng tín dụng trên được Ngân hàng TMCP V với ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023 có hiệu lực pháp luật. Đây là cơ sở làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[3.2] Ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 ký kết với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sở Giao Dịch hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- "Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023", số tiền cho vay: 700.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần, bằng lãi suất cơ sở của V1 theo từng thời kỳ + biên độ 3,7%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh chăn nuôi gia súc. Thời hạn trả nợ: gốc trả cuối kỳ, theo đó bên vay phải trả nợ gốc cho bên ngân hàng vào ngay kết thúc thời hạn cho vay. Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngay 15 (kỳ trả nợ lãi); K trả nợ lãi đầu tiền vào ngày 15/4/2023.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023; Số tiền cho vay 50.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 36 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm phát vay 25%/năm được cố định trong vòng 5 tháng đầu, lãi suất sáu đó được điều chỉnh 3 tháng/1 lần, tối đa không quá 52%/năm. Mục đich vay vốn: Mua đồ gia dụng.

Sau khi vay vốn, ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 mới chỉ trả nợ được số tiền là 67.625.902 đồng, Trong đó, trả nợ gốc: 60.410.595 đồng, trả nợ lãi: 7.215.307 đồng. Ngày ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cuối cùng là ngày 21/11/2023. Qúa trình thực hiện hợp đồng, do ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 đã không trả nợ theo đúng cam kết tại hợp đồng, nên dẫn đến dư nợ của ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 đã chuyển nợ quá hạn.

Ngày 30/5/2024, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) đã ký các Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty Cổ phần M2. Theo đó, V1 đồng ý bán và M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 đã ký kết với V1. Cụ thể:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023.

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023.

Việc Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) đã ký các Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm là phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi mua bán nợ thì Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ, nhưng ông H, bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng yêu cầu. Tính đến ngày 25/7/2025 ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 hiện đang còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) tổng số tiền là: 926.711.235 đồng, Trong đó: Nợ gốc: 742.784.693 đồng, N lãi trong hạn: 6.487.459 đồng, Nợ lãi quá hạn 177.439.082 đồng. Do ông Trần Văn H và bà

Hoàng Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết, nên việc Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (Mars) khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại, là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, nên được chấp nhận. Vì vậy cần buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (Mars) số tiền nợ gốc, lãi tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

[3.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (Mars) về việc buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo thỏa thuận tại hợp đồng, là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Do đó, được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) được xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1, thấy rằng:

Khi ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 ký kết "Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023", để đảm bảo cho khoản vay thì ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 có thế chấp tại Ngân hàng TMCP V (V1) tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại Thửa đất số: 185, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 967722, Số vào sổ cấp GCN: CH 00955 do UBND huyện T cấp ngày 11/01/2021. Ngày 27/02/2023 tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2303208673644 ngày 23/03/2023; Số công chứng 2500, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/3/2023 tại Văn phòng C. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Như vậy, là phù hợp với quy định về "nghĩa vụ được đảm bảo" của Hợp đồng thế chấp và phù hợp với quy định của pháp luật. Xét Hợp đồng thế chấp được Ngân hàng TMCP V với ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội; Hợp đồng được lập tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp theo quy định. Như vậy, Hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) thì phải xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu nợ là cần thiết, có căn cứ theo quy định tại các Điều 292, 298, 299, 317 và 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2).

[4] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L1 về việc: Gia đình bà L1 cần tiền lo công việc, do gia đình đang mắc nợ sấu, nên có nhờ làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Văn H, bà Hoàng Thị H1, để vợ chồng ông H, bà H1 đứng tên vay vốn tại ngân hàng V1 với số tiền 785.000.000 đồng; Số tiền vay gia đình bà L1 là người sử dụng. Xét, qúa trình giải quyết vụ án ông H, bà H1 cũng như bà L1, ông H2 không có đơn yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét trong vụ án này. Trường hợp giữa vợ chồng ông H, bà H1 và vợ chồng ông H2, bà L1 có phát sinh tranh chấp và các bên có đơn yêu cầu giải quyết, thì sẽ được xem xét giải quyết bằng 1 vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã tự nguyện nộp tạm ứng và đã chi hết số tiền trên. Tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến không yêu cầu xử lý về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên không phải xử lý.”.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 244; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, Điều 103, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18, khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) về phần yêu cầu: Buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải trả nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 374-P-3386821 ngày 30/3/2023.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2).

- Buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (Mars) theo "Hợp đồng cho vay số LN2303208673644 ngày 23/03/2023 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/3/2023", tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/7/2025 là: 926.711.235 đồng, Trong đó: Nợ gốc: 742.784.693 đồng, N lãi trong hạn: 6.487.459 đồng, N lãi quá hạn 177.439.082 đồng, cụ thể:

+ Ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 834.040.111 đồng, trong đó: nợ gốc 668.506.224 đồng, nợ lãi trong hạn 5.838.713 đồng, nợ lãi quá hạn 159.695.174 đồng.

+ Ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 92.671.123 đồng, trong đó: nợ gốc 74.278.469 đồng, nợ lãi trong hạn 648.746 đồng, nợ lãi quá hạn 17.743.908 đồng.

Kể từ ngày 26/7/2025 ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M) tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

- Trong trường hợp ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2) được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại Thửa đất số: 185, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 967722, Số vào sổ cấp GCN: CH 00955 do UBND huyện T cấp ngày 11/01/2021. Ngày 27/02/2023 tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2303208673644 ngày 23/03/2023; Số công chứng 2500, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/3/2023 tại Văn phòng C. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần M2 (M2).

3. Về án phí: Buộc ông Trần Văn H và bà Hoàng Thị H1 phải nộp 39.801.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.154.000 đồng và Công ty Cổ phần M2 (M2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.552.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005257 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thanh Hóa).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hoa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thanh Hóa;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến